TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/DSST
Ngày: 28/9/2020
"V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Huỳnh Khắc Hiếu

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2020/TLST - DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964*;* Trú tại: đường Đ, phường M, thành phố T, Phú Yên. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu N, sinh năm 1963; Nơi ĐKTT: đường T, phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh Sương trình bày như sau:*

Ngày 26/6/2011 bà Huỳnh Thị Thu N có vay của bà Hồ Thị Thanh S số tiền gốc 40.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Từ khi vay đến nay bà N không trả nợ gốc và lãi nên bà S khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu N trả nợ gốc 40.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tại đơn xét xử vắng mặt ngày

24/2/2020, bà S yêu cầu trả số nợ gốc. Về tiền lãi yêu cầu nếu pháp luật cho tính lãi thì tính, nếu pháp luật không cho tính lãi thì không tính. Yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt cho đến khi có bản án.

** Bị đơn bà bà Huỳnh Thị Thu N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 305, 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền gốc cho nguyên đơn 40.000.000đ; về tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng/số tiền nợ gốc từ ngày 26/6/2011 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý thuộc thẩm quyền. Sự kiện pháp lý xảy ra vào năm 2011 tại thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự 2005 giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 26/6/2011, theo đó bà Huỳnh Thị Thu N có vay của bà Hồ Thị Thanh S số tiền 40.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, trả góp hàng ngày. Trong hợp đồng các bên không thỏa thuận cụ thể số tiền bà Nga phải góp cho bà S hàng ngày, không quy định thời hạn trả nợ cuối cùng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ theo đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên nguyên đơn có quyền khởi kiện. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa làm việc, không có ý kiến trình bày hay yêu cầu phản tố, không xuất trình chứng cứ chứng minh việc trả nợ của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân

sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000đ.

[3.2]Về lãi suất: Đối với giấy nhận nợ ngày 26/6/2011, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không quy định thời hạn trả nợ cuối cùng. Do đó hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Việc các đương sự thỏa thuận lãi suất 3%/tháng là cao so với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, xác định mức lãi suất vay bằng 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố là 9%/năm x 150% = 13,5%/năm = 1,125%/tháng (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010). Như vậy tiền lãi mà bà Nga cần phải trả cho bà Sương đối với khoản nợ như sau: từ ngày 26/6/2011 đến ngày 28/9/2020 là 09 năm 03 tháng 02 ngày x 40.000.000đ x 1,125%/tháng = 49.980.000đ (bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 305, 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Buộc bà Huỳnh Thị Thu N phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền là 89.980.000đ (tám mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng). Trong đó tiền gốc 40.000.000đ (mười bốn triệu đồng) và tiền lãi 49.980.000đ (bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 29/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu N phải chịu 4.499.000đ (bốn triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn đồng) án phí DS-ST.

Hoàn lại cho bà Hồ Thị Thanh S 1.000.000đ (một triệu đồng) án phí DS-ST theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001184 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hoa Dung